

THÔNG BÁO DANH SÁCH DỰ KIẾN XÉT CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HSSV THUỘC TIÊU CHUẨN HỌC KỲ 5 - KHÓA 2023 (5 THÁNG ĐẦU NĂM 2026)

(Sau ngày 06/06/2026, danh sách này sẽ được cập nhật những điều chỉnh và trở thành danh sách HSSV chính thức được xét cấp học bổng KKHT)

Lưu ý:

- Điểm chuẩn xét xếp Loại học bổng từ: * $\geq 7,4$ ĐIỂM (LOẠI KHÁ); * $\geq 8,4$ ĐIỂM (LOẠI GIỎI); * $\geq 9,4$ ĐIỂM (LOẠI XUẤT SẮC). Trong đó, không có môn học trong học kỳ khi thi lần 1 bị dưới 5 điểm.
- Phân loại đạo đức, hạnh kiểm khi xét cho cả 3 loại học bổng, đều phải đạt loại A (chi tiết cách xét học bổng khuyến khích học tập xem trong Sổ tay HSSV).
- Cách thức phân bổ số suất học bổng mỗi lớp theo sĩ số lớp: Những lớp có sĩ số từ 50 SV trở lên, được phân bổ số suất học bổng gấp đôi những lớp có sĩ số ít hơn 50 SV.
- VỀ SỐ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG: Đối với HSSV chưa có tài khoản ngân hàng Agribank trong danh sách niêm yết bên dưới. Từ ngày 30/05/2026 đến ngày 05/06/2026, liên hệ Ngân hàng Agribank mở tài khoản và cung cấp cho Thầy TUẤN Phòng Tài chính – Kế toán (Có thể nhắn tin qua Zalo theo số: 0904.433.291). Mọi sự chậm trễ sẽ không được giải quyết.**
- CẦN KHIẾU NẠI, ĐIỀU CHỈNH VỀ "CÁCH XÉT HỌC BỔNG":** Liên hệ bộ phận chế độ HSSV (thầy Tài) - Phòng Hành chính-Quản trị trước ngày 05/06/2026 (Có thể nhắn tin qua Zalo theo số: 0989.872.090)
- Sau đó chờ P. Tài chính – Kế toán ra thông báo (ở 3 nơi: bảng thông báo trước của phòng Tài chính – Kế toán, trong nội dung sinh hoạt chủ nhiệm, trang Web trường) chính thức thời gian chuyển tiền Học bổng KKHT của HSSV qua “tài khoản thẻ ATM” của “chính HSSV đứng tên chủ tài khoản” được cấp đúng bởi chi nhánh “ngân hàng AGRIBANK” ở trong trường hoặc ở địa phương khác đều được (ngân hàng khác cấp không được công nhận).

Stt	Lớp	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Sinh ngày	Điểm Tổng kết HK	Hạnh kiểm loại	Điểm xét HB	Học bổng loại	Số tài khoản	Ghi chú số tài khoản cần
1	CĐ CK 23A	0301231004	Nguyễn Chí	Bảo	25/12/2004	8,76	A	9,16	Giỏi	7205205165794	
2	CĐ CK 23A	0301231074	Nguyễn Thanh	Tú	29/08/2005	8,75	A	9,15	Giỏi	1604281027649	
3	CĐ CK 23B	0301231143	Trương Lê Ngọc	Thơm	23/12/2005	7,79	A	8,19	Khá	5908205566385	
4	CĐ CK 23B	0301231151	Trần Văn	Trí	16/04/2005	7,34	A	7,74	Khá	5610281009218	
5	CĐ CK 23C	0301231206	Huỳnh Thành	Ngọc	06/09/2004	8,77	A	9,17	Giỏi	7205205165692	
6	CĐ CK 23D	0301231266	Nguyễn Tuấn	Kiệt	13/01/2005	8,15	A	8,55	Giỏi	6714259186153	
7	CĐ CK 23E	0301231335	Quách Tấn	Đạt	30/09/2005	8,07	A	8,47	Giỏi	6400205748023	
8	CĐ CK 23E	0301231338	Lê Quang	Hào	01/11/2005	7,72	A	8,12	Khá	1900206500732	
9	CĐ ÔTÔ 23A	0302231054	Dương Thành	Phi	25/12/2005	8,27	A	8,67	Giỏi	6905205280519	
10	CĐ ÔTÔ 23B	0302231084	Đào Ngọc	Bảo	18/09/2005	8,38	A	8,78	Giỏi	4802964936713	
11	CĐ ÔTÔ 23B	0302231090	Phạm Đình	Công	23/08/2005	8,34	A	8,74	Giỏi	6200281050827	
12	CĐ ÔTÔ 23C	0302231192	Lê Quốc	Linh	02/10/2005	8,45	A	8,85	Giỏi	6170205305532	
13	CĐ ÔTÔ 23D	0302231242	Lê Bảo	Danh	26/01/2005	8,14	A	8,54	Giỏi	6705267241886	
14	CĐ ÔTÔ 23D	0302231252	Lê Ngô Văn	Đô	05/08/2005	7,96	A	8,36	Khá	6170281023002	

Stt	Lớp	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Sinh ngày	Điểm Tổng kết HK	Hạng kiểm loại	Điểm xét HB	Học bổng loại	Số tài khoản	Ghi chú số tài khoản cần
15	CĐ ÔTÔ 23E	0302231317	Lâm Gia	Đạt	16/01/2005	8,09	A	8,49	Giỏi	6905205283791	
16	CĐ ÔTÔ 23E	0302231365	Nguyễn Văn	Tài	13/12/2005	8,94	A	9,34	Giỏi	1900206500030	
17	CĐ NL 23A	0304231042	Phan Nhật	Lin	18/10/2005	8,80	A	9,20	Giỏi	6200205751588	
18	CĐ NL 23B	0304231163	Lương Vạn	Sanh	26/12/2005	9,19	A	9,59	Xuất sắc	6170281029493	
19	CĐ NL 23B	0304231173	Trần Minh	Trị	10/11/2005	9,20	A	9,60	Xuất sắc	1902281042469	
20	CĐ NL 23C	0304231274	Huỳnh Minh	Tuấn	28/07/2005	8,81	A	9,21	Giỏi	6440205877159	
21	CĐ NL 23C	0304231278	Phan Văn Tuấn	Vũ	11/06/2005	8,45	A	8,85	Giỏi	6170281041339	
22	CĐ NL 23D	0304231318	Trần Văn	Khanh	17/09/2005	8,55	A	8,95	Giỏi		Cung cấp
23	CĐ NL 23D	0304231349	Nguyễn Quốc	Thịnh	02/01/2005	9,04	A	9,44	Xuất sắc	1702205403685	
24	CĐ NL 23E	0304231405	Trần Duy	Khang	31/03/2004	8,60	A	9,00	Giỏi		Cung cấp
25	CĐ NL 23E	0304231409	Trương Tuấn	Kiệt	14/06/2005	9,12	A	9,52	Xuất sắc	6600205841794	
26	CĐ CĐT 23A	0307231015	Nguyễn Tấn Khải	Đoan	11/09/2004	9,30	A	9,70	Xuất sắc	6380281055668	
27	CĐ CĐT 23A	0307231040	Lê Công	Mạnh	14/05/2004	8,79	A	9,19	Giỏi		Cung cấp
28	CĐ CĐT 23B	0307231109	Lưu Nhật	Hào	23/09/2001	8,26	A	8,66	Giỏi	6130205319089	
29	CĐ CĐT 23B	0307231187	Võ Phú	Bình	19/02/2003	8,65	A	9,05	Giỏi	5914205303396	
30	CĐ TĐ 23A	0309231007	Trần Quốc	Bảo	07/05/2005	8,17	A	8,57	Giỏi	1702281036872	
31	CĐ TĐ 23A	0309231015	Mai Duy	Đông	06/12/2005	8,07	A	8,47	Giỏi	1702205403706	
32	CĐ TĐ 23B	0309231119	Nguyễn Phan Anh	Hào	10/07/2005	8,02	A	8,42	Giỏi	1702281039155	
33	CĐ TĐ 23B	0309231176	Lê Trung	Tín	05/03/1998	8,01	A	8,41	Giỏi	6223205400602	
34	CĐ TĐ 23C	0309231226	Ngô Trần Khánh	Nhân	01/10/2005	8,55	A	8,95	Giỏi	4810281030006	
35	CĐ TĐ 23C	0309231233	Huỳnh Lâm	Phú	27/12/2005	8,53	A	8,93	Giỏi	7103281022677	
36	CĐ KTDN 23A	0312231044	Phạm Khánh	Vân	13/10/2005	8,88	A	9,28	Giỏi		Cung cấp
37	CĐ KTDN 23B	0312231068	Nguyễn Gia	Linh	17/04/2002	9,63	A	10,03	Xuất sắc		Cung cấp
38	CĐ Đ, ĐT 23ĐA	0303231022	Nguyễn Hữu	Đạt	11/01/2005	8,70	A	9,10	Giỏi	6380281045165	
39	CĐ Đ, ĐT 23ĐA	0303231080	Hoàng Mạnh	Tân	04/11/2005	8,46	A	8,86	Giỏi	5404205584874	
40	CĐ Đ, ĐT 23ĐB	0303231433	Nguyễn Quốc	Nguyễn	23/09/2005	8,59	A	8,99	Giỏi	7503205227962	
41	CĐ Đ, ĐT 23ĐB	0303231460	Lê Sĩ	Toàn	20/04/1999	8,77	A	9,17	Giỏi	6400281027238	
42	CĐ Đ, ĐT 23ĐC	0303231266	Trần Duy	Thanh	20/03/1998	8,28	A	8,68	Giỏi	6320205972116	
43	CĐ Đ, ĐT 23ĐC	0303231286	Nguyễn Phong	Vũ	26/08/2005	8,33	A	8,73	Giỏi	6280205823226	
44	CĐ Đ, ĐT 23ĐTD	0303231326	Chương Hoàng	Lâm	10/10/2005	7,40	A	7,80	Khá	6221205219822	
45	CĐ Đ, ĐT 23ĐTD	0303231355	Trần Quốc	Sang	13/06/2005	7,29	A	7,69	Khá	1900281017090	
46	CĐ Đ, ĐT 23ĐTE	0303231002	Nguyễn Doãn Quốc	An	31/05/2005	8,50	A	8,90	Giỏi	1902281027203	
47	CĐ Đ, ĐT 23ĐTE	0303231499	Nguyễn Hoàng	Hạnh	03/06/1999	8,82	A	9,22	Giỏi	6400281026938	
48	CĐ TH 23MMTA	0306231259	Lê Văn Duy	Trung	04/09/2005	7,41	A	7,81	Khá		Cung cấp
49	CĐ TH 23MMTA	0306231331	Nguyễn Quốc	Sang	16/10/2005	7,61	A	8,01	Khá		Cung cấp
50	CĐ TH 23WEBB	0306231146	Trần Nguyễn Ngọc	Quy	25/12/2005	8,05	A	8,45	Giỏi	1600281024217	
51	CĐ TH 23WEBB	0306231156	Trần Thị Thu	Thảo	24/07/2005	8,54	A	8,94	Giỏi	1902281034612	
52	CĐ TH 23WEBC	0306231291	Huỳnh Khắc	Huy	22/08/2005	8,12	A	8,52	Giỏi	7103205508120	
53	CĐ TH 23WEBC	0306231298	Trần Hoàng Minh	Khoa	18/06/2005	7,61	A	8,01	Khá	1602205530696	
54	CĐ TH 23ĐDD	0306231007	Nguyễn Minh	Công	08/12/2005	8,19	A	8,59	Giỏi	6340205530619	
55	CĐ TH 23ĐDE	0306231404	Nguyễn Công	Mẫn	26/02/2005	8,51	A	8,91	Giỏi	4304281016270	
56	CĐ ĐTTT 23VT	0308231069	Nguyễn Chí	Thuận	30/12/2005	8,07	A	8,47	Giỏi	6605281024945	

Stt	Lớp	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Sinh ngày	Điểm Tổng kết HK	Hành kiểm loại	Điểm xét HB	Học bổng loại	Số tài khoản	Ghi chú số tài khoản cần
57	CĐ ĐTTT 23MT	0308231122	Nguyễn Duy	Khang	01/06/2005	9,30	A	9,70	Xuất sắc	7101281010753	
58	CĐ ĐTTT 23MT	0308231136	Tô Nhật	Phát	14/03/1999	9,12	A	9,52	Xuất sắc	1702281047958	
59	CĐN CGKL 23A	0461231075	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	10/03/2005	7,46	A	7,86	Khá	5908205562440	
60	CĐN CGKL 23B	0461231084	Nguyễn Khắc	Duy	12/12/2004	8,32	A	8,72	Giỏi	6380281045028	
61	CĐN SCCK 23	0462231035	Mai Thành	Lộc	08/12/2005	8,48	A	8,88	Giỏi	7102205686185	
62	CĐN HÀN 23	0463231024	Trần Long	Phụng	12/11/2005	9,54	A	9,94	Xuất sắc	4813205520372	
63	CĐN KTML 23A	0464231057	Lý Trung	Toàn	08/11/2001	8,77	A	9,17	Giỏi	1702205385206	
64	CĐN KTML 23A	0464231153	Trần Ngọc	Huy	30/06/2005	9,15	A	9,55	Xuất sắc	6607205223389	
65	CĐN KTML 23B	0464231076	Vũ Tiến	Dũng	10/12/2005	8,55	A	8,95	Giỏi	6200205699826	
66	CĐN KTML 23B	0464231115	Đào Tiên	Phúc	23/02/2005	9,27	A	9,67	Xuất sắc	1900281025393	
67	CĐN ÔTÔ 23A	0465231010	Đặng Khánh	Duy	27/05/2005	7,84	A	8,24	Khá	1702205384810	
68	CĐN ÔTÔ 23A	0465231064	Đặng Phú	Trực	14/09/2005	7,86	A	8,26	Khá	1900281014120	
69	CĐN ÔTÔ 23B	0465231117	Trần Ngọc	Quý	19/02/2005	7,84	A	8,24	Khá	6605205309610	
70	CĐN ÔTÔ 23C	0465231176	Lê Hoàng	Lộc	15/01/1990	9,12	A	9,52	Xuất sắc	1902206564298	
71	CĐN ÔTÔ 23D	0465231223	Huỳnh Anh	Hào	10/02/2005	8,94	A	9,34	Giỏi	6170205305809	
72	CĐN ĐCN 23A	0466231019	Đặng Công	Hậu	18/10/2005	8,91	A	9,31	Giỏi	6440205828987	
73	CĐN ĐCN 23A	0466231042	Nguyễn Bá	Minh	01/05/2004	9,62	A	10,02	Xuất sắc	6160281009038	
74	CĐN ĐCN 23B	0466231102	Nguyễn Ngọc	Lân	21/03/2005	8,34	A	8,74	Giỏi	6280205822739	
75	CĐN ĐCN 23C	0466231188	Lê Trí	Phúc	09/12/2005	9,17	A	9,57	Xuất sắc	6300205240175	
76	CĐN ĐCN 23C	0466231213	Huỳnh Tấn	Tý	23/10/2005	9,09	A	9,49	Xuất sắc	6616205137372	
77	CĐN ĐCN 23D	0466231232	Đỗ Đức	Đạt	08/07/2005	8,95	A	9,35	Giỏi	1604205603503	
78	CĐN ĐTCN 23A	0467231055	Nguyễn Thuý	Vi	12/08/2005	8,40	A	8,80	Giỏi	6360281023036	
79	CĐN ĐTCN 23B	0467231146	Nguyễn Quân Hưng	Thịnh	01/01/2005	8,76	A	9,16	Giỏi	6321281041160	
80	CĐN QTM 23A	0468231069	Phạm Huỳnh Ngọc	Thiên	24/04/2005	8,72	A	9,12	Giỏi	6460281040370	
81	CĐN QTM 23B	0468231135	Đoàn Khánh	Tấn	25/01/2005	8,92	A	9,32	Giỏi	6440281059497	
82	CĐN SCMT 23	0469231010	Vũ Đức	Diện	04/06/2005	8,00	A	8,40	Giỏi		Cung cấp

Tổng cộng danh sách này có: 82 HSSV.

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG HÀNH CHÍNH-QUẢN TRỊ

(Đã ký)

NGUYỄN VĂN VŨ